

Bản án số: 156/2019/ DS-PT
Ngày: 20/9/2019
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhiên
Ông Trần Bình Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2019/TLPT-DS, ngày 19 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện PQ, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 182/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Th, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Ấp CTT, xã CD, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nam: Luật sư Nguyễn D - Văn phòng luật sư Ngọc D, đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Đào Thị Th1, sinh năm: 1938 và bà Bùi Thị H, sinh năm: 1980. Cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp CTT, xã CD, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. NLQ2 (Có mặt).

3. NLQ3 (Có mặt).
4. NLQ4 (Có mặt).
5. NLQ5.
6. NLQ6 (Có mặt).
7. NLQ7 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. NLC1 (Vắng mặt).
2. NLC2 (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Bùi Thị H.

- Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Bùi Thị Th trình bày: Cha mẹ bà là ông Bùi Văn Ch và bà Đào Thị Th1, chung sống với nhau có 10 người con gồm: 1. Bùi Văn T (Chết lúc 02 tháng tuổi); 2. NLQ1; 3. NLQ2; 4. NLQ3; 5. Bùi Thị Th; 6. NLQ6; 7. NLQ5; 8. NLQ4; 9. Bùi Thị H; 10. Bùi Văn M (Chết lúc 04 tháng tuổi).

Ông Ch chết năm 1997 không để lại di chúc, tài sản của ông Ch bà Th1 tạo lập trong thời kỳ hôn nhân là quyền sử dụng đất diện tích 31.705m², thuộc thửa số 54, 55, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp CTT, xã CD, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang do Ủy ban nhân dân huyện PhQ cấp cho ông Ch giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa xanh. Sau khi ông Ch chết thì bà Th1 là người quản lý phần đất này, đến năm 2004 bà Th1 tự ý lập thủ tục chuyển tên toàn bộ phần đất trên sang tên hộ bà Th1 được Ủy ban nhân dân huyện PQ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27-9-2004. Đến năm 2009 bà Th1 làm thủ tục cấp đổi toàn bộ diện tích đất, đo đạc thực tế còn lại 30.000m² và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ bà Đào Thị Th1. Đến ngày 22-9-2015 bà Th1 lập hợp đồng tặng cho bà H toàn bộ diện tích đất 30.000m². Hiện nay bà H đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong tổng diện tích đất 30.000m² thì ½ diện tích là di sản thừa kế của ông Ch chết để lại cho những người hưởng thừa kế, nhưng bà Th1 tự ý tặng cho và sang tên toàn bộ cho bà H là không đúng quy định pháp luật.

Bà Th có nghe đất ông Ch được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa xanh, nhưng bà không thấy được giấy chứng nhận. Sau này bà Th1 tự ý sang tên và tặng cho bà H thì bà cũng không biết, đến khi bà Th1, bà H kêu người vào chuyển nhượng đất thì mới biết sự việc này.

Nay bà Th yêu cầu phân chia 15.000m² trong tổng diện tích 30.000m² làm 09 phần cho những người được hưởng thừa kế gồm: Bà Th1, NLQ1, NLQ2, NLQ3,

bà Th, NLQ6, NLQ5, NLQ4, bà H, mỗi phần diện tích đất được chia là 1.666m² và yêu cầu được chia bằng giá trị tương đương 1.666m² đất theo kết quả chứng thư định giá của Công ty cổ phần Bất động sản Kiên Giang. Bà không yêu cầu định giá, phân chia các loại cây trồng và công trình xây dựng trên đất.

Bị đơn bà Đào Thị Th1 trình bày: Bà Th1 xác nhận bà và ông Ch là vợ chồng, chung sống với nhau khoảng năm 1959, không có đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống có 10 người con như bà Th trình bày.

Nguồn gốc phần diện tích đất 30.000m² tọa lạc tại ấp CTT, xã CD, huyện PQ, Kiên Giang là do vợ chồng bà khai khẩn năm 1986, 1987. Diện tích đất này ban đầu 31.705m² đứng tên ông Ch, sau khi ông Ch chết bà đã lập thủ tục sang tên thừa đất này cho bà. Năm 2009 bà lập thủ tục xin cấp đổi diện tích giảm còn 30.000m². Đến năm 2015 bà lập hợp đồng tặng cho bà H toàn bộ quyền sử dụng đất. Hiện nay bà Th1 và vợ chồng bà H, NLQ7 là người trực tiếp quản lý và sử dụng đất.

Ngoài phần diện tích đất 30.000m² này vợ chồng bà còn khai khẩn thêm nhiều phần đất lân cận, nhưng đã chia cho những người con khác. Do NLQ6, NLQ4, bà H chưa được cho tài sản nào khác, nên phần 30.000m² cho bà H đứng tên để sau này chia lại cho NLQ6, NLQ4, bà H.

Đối với NLQ1, NLQ2, NLQ3, bà Th, NLQ5, vợ chồng bà Th1 đã cho các tài sản cụ thể:

1. Cho NLQ1 300kg Tiêu và 3.000.000 đồng để mua 19.000m² đất đang ở tại CTT, xã CD gần với phần đất đang tranh chấp.
2. Cho NLQ2 5.000m² trong tổng diện tích đất khoảng 17.000m² tại ấp CTT và đã bán lấy 300.000.000 đồng vào năm 2015.
3. Cho NLQ3 20.000m² đất tại BT, thuộc ấp CB (nay thuộc ấp CTT), sau đó NLQ3 đã bán lại cho NLQ5 và NLQ5 bán lại cho Th.
4. Cho Bùi Thị Th 500kg Tiêu và bán lấy tiền mua khoảng 2.000m² đất và cất nhà sinh sống hiện tại.
5. Cho NLQ5 22.000m² tại BT, thuộc ấp CB (nay thuộc ấp CTT) năm 2005, đến nay đã bán gần 3.000.000.000 đồng và đã mua một thửa đất ở BT và một thửa đất ở ấp CTT.

Bà Đào Thị Th1 yêu cầu giải quyết: Không đồng ý phân chia theo yêu cầu của bà Th, NLQ2, NLQ3, NLQ5. Vì những người con này đã được cho tài sản xong nên không có quyền gì để yêu cầu phân chia tài sản.

Tại phiên toà, bà Th1 yêu cầu NLQ2 giao lại phần diện tích đất đã tặng cho là 5.000m² bán 300.000.000 đồng và yêu cầu NLQ5 giao lại phần đất 22.000m² tại ấp CTT, xã CD thì bà mới đồng ý phân chia.

Bị đơn Bùi Thị H trình bày: Bà H xác nhận phần diện tích đất 30.000m² tọa lạc tại ấp CTT, xã CD, huyện PQ, Kiên Giang là do ông Ch, bà Th1 khai khẩn năm 1986, 1987. Thời điểm ban đầu diện tích đất được cấp cho ông Ch 31.705m², đến năm 1997 ông Ch chết, bà Th1 và một số người con chưa có vợ, chồng ở trên đất canh tác và quản lý đất. Vào năm 2000, bà Th1 làm đơn xin xác nhận thừa kế quyền sử dụng đất của ông Ch chết để lại, được Ủy ban nhân dân xã CD xác nhận. Đến năm 2009 bà Th1 có yêu cầu cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ sổ đỏ sang sổ hồng, sau khi đo đạc lại thì diện tích đất chỉ còn 30.000m². Năm 2015 bà Th1 lập hợp đồng tặng cho bà toàn quyền sử dụng đất 30.000m², ngày 16-10-2015 bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 029421. Việc bà Th1 tặng cho bà H quyền sử dụng đất là đúng quy định, vì hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã được công chứng hợp pháp, được cơ quan Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Bùi Thị H yêu cầu giải quyết: Không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Th và yêu cầu độc lập của NLQ2, NLQ3, NLQ5 vì những người này đã được cha mẹ cho tài sản rồi.

Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc NLQ2 giao trả lại cho bà Th1 phần diện tích đất đã tặng cho NLQ2 5.000m² bán 300.000.000 đồng và yêu cầu NLQ5 giao trả lại cho bà Th1 phần đất 22.000m² tại ấp CTT, xã CD. Sau khi giao trả xong thì gom lại và phân chia. Bà H cho rằng số tiền 300.000.000 đồng tương đương giá trị 5.000m² là phần tiền bán được trong tổng diện tích 17.000m² nhờ NLC1 đứng tên. Đối với phần đất 22.000m² tại ấp CTT, xã CD không phải của NLQ5 trực tiếp khai khẩn, mà do ông Ch, bà Th1 cho NLQ5 canh tác. Hai tài sản này là tài sản của ông Ch để lại, nên cũng phải được phân chia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ2 trình bày:

NLQ2 thống nhất toàn bộ lời trình bày của bà Th. NLQ2 xác định ½ diện tích đất 30.000m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 029421 cấp ngày 16-10-2015 đứng tên Bùi Thị H là di sản thừa kế của ông Ch để lại, bà Th1 tự ý tặng cho và sang tên bà H chưa được sự thống nhất của các con là không hợp pháp.

NLQ2 cho rằng bà Th1 có cho riêng 5.000 m² đất bán 300.000.000 đồng là không đúng. Vì phần diện tích đất 5.000m² này nằm trong tổng diện tích đất khoảng 17.000m² mà trước đây ông Ch, bà Th1 có nhờ NLC1 (tức chồng của NLQ2) đứng tên dùm trên sơ đồ đất do NLC1 làm việc trong cơ quan Nhà nước. Đến khoảng năm 2015, bà Th1 có yêu cầu NLC1 đứng ra chuyển nhượng phần đất này, sau đó có cho NLC1 300.000.000 đồng tương đương 5.000m² đất với lý do NLC1 đứng tên dùm. Việc bà Th1 cho 300.000.000 đồng là ý chí tự nguyện của bà Th1 vì NLC1 đứng tên dùm phần đất, chứ không phải là người đứng ra bán phần đất này, bà không yêu cầu giải quyết đối với phần diện tích đất này.

NLQ2 yêu cầu phân chia 15.000m² trong tổng diện tích 30.000m² làm 09 phần cho những người được hưởng thừa kế gồm: Bà Th1, NLQ1, NLQ2, NLQ3, bà Th, NLQ6, NLQ5, NLQ4, bà H, mỗi phần diện tích đất được chia là 1.666m² và yêu cầu được chia bằng giá trị tương đương 1.666m² đất theo kết quả chứng thư định giá của Công ty cổ phần Bất động sản Kiên Giang. NLQ2 không yêu cầu định giá, phân chia các loại cây trồng và công trình xây dựng trên đất.

2. NLQ5 trình bày:

NLQ5 thống nhất toàn bộ lời trình bày của bà Th. NLQ5 xác định ½ diện tích đất 30.000 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 029421 cấp ngày 16-10-2015 đứng tên Bùi Thị H là di sản thừa kế của ông Ch để lại, bà Th1 tự ý tặng cho và sang tên bà H chưa được sự thống nhất của các con là không hợp pháp.

NLQ5 cho rằng lời trình bày của bà Th1 về việc bà Th1 có tặng cho ông 22.000 m² tại BT thuộc ấp CB (Nay thuộc ấp CTT) là không đúng. Phần diện tích đất này trước đây của NLC1 khai khẩn khoảng 8.000m², NLC1 kêu ông lên canh tác, cất nhà sinh sống và khai khẩn diện tích tăng lên khoảng 22.000m² chứ không phải của ông Ch, bà Th cho. Hiện nay phần đất này đã bán lại cho người khác, NLQ5 không yêu cầu giải quyết đối với phần diện tích đất này.

NLQ yêu cầu phân chia 15.000m² trong tổng diện tích 30.000m² làm 09 phần cho những người được hưởng thừa kế gồm: Bà Th1, NLQ1, NLQ2, NLQ3, bà Th, NLQ6, NLQ5, NLQ4, bà H, mỗi phần diện tích đất được chia là 1.666m² và yêu cầu được chia bằng giá trị tương đương 1.666m² đất theo kết quả chứng thư định giá của Công ty cổ phần Bất động sản Kiên Giang. NLQ2 không yêu cầu định giá, phân chia các loại cây trồng và công trình xây dựng trên đất.

3. NLQ4 trình bày:

NLQ4 xác định ông Ch, bà Th1 là cha mẹ ruột của bà, ông Ch chết năm 1997, không để lại di chúc. Ông Ch, bà Th1 chung sống có 10 người con như lời bà Th1, bà H, bà Th trình bày. Phần diện tích đất 30.000 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 029421 cấp ngày 16-10-2015 đứng tên Bùi Thị H là di sản thừa kế của ông Ch để lại. Ngoài phần diện tích đất 30.000 m² thì ông Ch, bà Th còn tạo lập thêm một số tài sản khác như: Một phần diện tích đất 20.000m² tọa lạc tại ấp CB (Nay là ấp CTT) đã tặng cho NLQ3; một phần diện tích đất khoảng 17.000m² ấp CTT đã bán cho người khác, bà Th1 đã tặng cho NLQ2 5.000m² bán 300.000.000 đồng; một phần diện tích đất 22.000m² tọa lạc tại ấp CB (Nay là ấp CTT) đã tặng cho NLQ5, hiện tại NLQ5 đã bán cho người khác.

NLQ4 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu khởi kiện độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. NLQ4 yêu cầu Tòa án đưa phần tài sản là phần diện tích đất đã tặng cho NLQ2 5.000m² bán 300.000.000 đồng; phần diện tích đất 22.000m² tọa lạc tại ấp CB (Nay là ấp CTT) đã tặng cho NLQ5 vào để giải quyết phân chia trong cùng vụ án này.

4. NLQ6 trình bày:

NLQ6 xác định ông Ch, bà Th1 là cha mẹ ruột của ông, ông Ch chết năm 1997, không để lại di chúc. Ông Ch, bà Th1 chung sống có 10 người con như lời bà Th1, bà H, bà Th trình bày. Phần diện tích đất 30.000 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 029421 cấp ngày 16-10-2015 đứng tên Bùi Thị H là di sản thừa kế của ông Ch để lại. Ngoài phần diện tích đất 30.000 m² thì ông Ch, bà Th1 còn tạo lập thêm một số tài sản khác như: phần diện tích đất 20.000m² tọa lạc tại ấp CB (Nay là ấp CTT) đã tặng cho NLQ2; phần diện tích đất khoảng 17.000m² ấp CTT đã bán cho người khác, bà Th1 đã tặng cho NLQ2 5.000m² bán 300.000.000 đồng; phần diện tích đất 22.000m² tọa lạc tại ấp CB (Nay là ấp CTT) đã tặng cho NLQ5, hiện tại NLQ5 đã bán cho người khác.

NLQ6 yêu cầu giải quyết: Không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu khởi kiện độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. NLQ6 yêu cầu Tòa án đưa phần tài sản là phần diện tích đất đã tặng cho NLQ2 5.000m² bán 300.000.000 đồng; phần diện tích đất 22.000m² tọa lạc tại ấp CB (Nay là ấp CTT) đã tặng cho NLQ5 vào để giải quyết phân chia trong cùng vụ án này.

* Các đương sự thống nhất theo sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp số 321/2018 ngày 19-3-2018 diện tích đất được đo đạc là 30.000m² và kết quả chứng thư định giá do Công ty cổ phần bất động sản Kiên Giang lập với tổng giá trị quyền sử dụng đất là 23.630.295.000 đồng để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện PQ, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Th và yêu cầu độc lập của NLQ2, NLQ3, NLQ5 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất 15.000m² nằm trong tổng diện tích 30.000m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 029421, thuộc thửa số 77, tờ bản đồ số 56, tại ấp CTT, xã CD, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

2. Giao cho bà Bùi Thị H tiếp tục quản lý, sử dụng phần diện tích đất 15.000m² trong tổng diện tích 30.000m², thuộc thửa số 77, tờ bản đồ số 56, tại ấp CTT, xã CD, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang theo sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp số 321/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày 19-3-2018.

Buộc bà Bùi Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Thị Th, NLQ2, NLQ3, NLQ5 mỗi người số tiền 1.139.007.966 đồng.

Kèm theo Bản án là sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp số 321/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày 19-3-2018.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Th, NLQ2, NLQ3, NLQ5 về việc yêu cầu bà Th1 phân chia di sản thừa kế của ông Ch.

4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của NLQ1 về việc yêu cầu được chia di sản thừa kế theo đơn khởi kiện ngày 04/7/2017.

5. Bà Th1, bà H, NLQ4, NLQ6 có quyền khởi kiện thành vụ án khác đối với yêu cầu phân chia phần diện tích đất khoảng 17.000m² đất tọa lạc tại ấp CTT, xã CD đã tặng cho NLQ2 5.000m² đất và bán 300.000.000 đồng; phần diện tích đất 22.000m² tọa lạc tại BT thuộc ấp CB (Nay là ấp CTT) đã tặng cho NLQ5.

6. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 24/2017/QĐ-BPKCTT ngày 30-11-2017 của Tòa án nhân dân huyện PQ bị hủy bỏ theo điểm c khoản 1 Điều 138 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, giám định và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/5/2019, bị đơn bà Bùi Thị H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Hủy bản án sơ thẩm, vì toàn bộ bản án có vấn đề khúc mắc không rõ ràng, không đúng quy định.

Ngày 20/5/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện PQ ban hành kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án số 07/2019/DS-ST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện PQ, tỉnh Kiên Giang với nội dung: Hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại cho đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Bùi Thị Th, NLQ2, NLQ3, NLQ5 mỗi người đồng ý nhận kỷ phần thừa kế là 800.000.000 đồng

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đồng bị đơn bà Bùi Thị H và bà Đào Thị Th1 đồng ý chia kỷ phần thừa kế cho bà Bùi Thị Th, NLQ2, NLQ3, NLQ5 mỗi người 800.000.000 đồng. Yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện PQ. Sửa bản án sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Bùi Thị Th, NLQ2, NLQ3, NLQ5 mỗi người nhận phần thừa kế 800.000.000 đồng. Trường hợp Bùi Thị H và bà Đào Thị Th1 không tự nguyện thanh toán số tiền trên thì bà Th, NLQ2, NLQ3, NLQ5 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc bà H, bà Th1 phải thanh toán.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: NLQ1, NLQ7 có đơn xin xét xử vắng mặt. NLC1, NLC2 đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, sau khi Hội đồng xét xử hòa giải và động viên hai bên đương sự: Bà Bùi Thị Th, NLQ2, NLQ3, NLQ5 mỗi người đồng ý nhận kỷ phần thừa kế của mình là 800.000.000 đồng và được bà Bùi Thị H và bà Đào Thị Th đồng ý. Còn những người có liên quan khác gồm NLQ1, NLQ4, NLQ6 không yêu cầu, nên tiếp tục tạm giao các kỷ phần thừa kế chưa chia cho bà Bùi Thị H quản lý, sử dụng.

Đối với một phần di sản giành cho công sức quản lý, giữ gìn bà Th1 và bà H đang là người trực tiếp quản lý, giữ gìn di sản nhưng lại không có yêu cầu phân chia và cũng không ai trong những người thừa kế có yêu cầu nhận, nên cần thiết tiếp tục tạm giao phần di sản trên cho bà Th1 và bà H tiếp tục quản lý, giữ gìn.

[3] Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện PQ, tỉnh Kiên Giang là có căn cứ chấp nhận một phần. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đã tự thỏa thuận giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 24/2017/QĐ-BPKCTT ngày 30/11/2017, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy bỏ trong phần Quyết định của bản án theo điểm c khoản 1 Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, thì việc giải quyết yêu cầu hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời do một Thẩm phán được Chánh án của Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phân công giải quyết. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm cần thực hiện theo quy định pháp luật về việc hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời như nêu trên.

Do đó, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện PQ, tỉnh Kiên Giang; Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên đương sự.

[5] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do bản án dân sự sơ thẩm bị sửa, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm của các đương sự như sau:

Bà Bùi Thị Th, NLQ5, NLQ3, NLQ2 mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần được nhận 800.000.000 đồng là 36.000.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Do NLQ1 rút lại yêu cầu độc lập, nên đình chỉ yêu cầu khởi kiện và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho NLQ1.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm thẩm bị sửa, nên bà Bùi Thị H không phải nộp, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà H.

[6] Về chi phí, lệ phí thẩm định giá, giám định: Bà Bùi Thị Th tự nguyện chịu toàn bộ chi phí bản vẽ là 2.777.000 đồng và định giá tài sản tranh chấp là 24.436.644 đồng. Bà Th đã nộp xong nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 609, 610, 612, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 179 Luật Đất đai năm 2013;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa nguyên đơn bà Bùi Thị Th, NLQ2, NLQ3, NLQ5 với đồng bị đơn bà Bùi Thị H và bà Đào Thị Th1.

Bà Bùi Thị H và Đào Thị Th1 đồng ý chia cho bà Bùi Thị Th, NLQ2, NLQ3, NLQ5 mỗi người được nhận một kỷ phần thừa kế có giá trị tương đương là 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*). Trường hợp bà Bùi Thị H, bà Đào Thị Th1 không tự nguyện thi hành thì bà Th, NLQ2, NLQ3, NLQ5 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc bà H, bà Th1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nêu trên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

“Mức lãi suất hai bên thỏa thuận” là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

2. Giao cho bà Bùi Thị H được tiếp tục quản lý, sử dụng phần diện tích đất 15.000m² (là di sản chia thừa kế) trong tổng diện tích 30.000m², thuộc thửa số 77, tờ bản đồ số 56, tọa lạc tại ấp CTT, xã CD, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

Tạm giao cho bà Bùi Thị H và bà Đào Thị Th1 được tiếp tục trực tiếp quản lý, sử dụng phần di sản còn lại chưa có yêu cầu phân chia.

Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/11/2017 do Tòa án và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện PQ lập và Tờ trích đo số 321/2018 ngày 19/3/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của NLQ1 về việc yêu cầu được chia di sản thừa kế theo đơn khởi kiện ngày 04/7/2017, do NLQ1 có đơn xin rút đơn yêu cầu.

4. Đối với ý kiến của bà Đào Thị Th1, bà Bùi Thị H, NLQ4, NLQ6 về việc phân chia phần diện tích đất khoảng 17.000m² đất tọa lạc tại ấp CTT, xã CD, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang đã tặng cho NLQ2 5.000m² đất và bán 300.000.000 đồng; phần diện tích đất 22.000m² tọa lạc tại BT thuộc ấp CB (nay là ấp CTT), xã CD, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang đã tặng cho NLQ5, thì được quyền khởi kiện thành một vụ án dân sự khác.

5. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 24/2017/QĐ-BPKCTT ngày 30/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện PQ, tỉnh Kiên Giang để đảm bảo cho việc thi hành án.

6. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Bùi Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 36.000.000 đồng. Bà Thủy đã tạm nộp số tiền 12.720.000 đồng theo biên lai thu số 0003986 ngày 30/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PQ, tỉnh Kiên Giang. Bà Th còn phải nộp thêm số tiền là 23.280.000đ (*Hai mươi ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

- NLQ2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 36.000.000 đồng. NLQ2 đã tạm nộp số tiền 12.420.000 đồng theo biên lai thu số 0006160 ngày 18/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PQ, tỉnh Kiên Giang. NLQ2 còn phải nộp thêm số tiền là 23.580.000đ (*Hai mươi ba triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng*).

- NLQ3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 36.000.000 đồng. NLQ3 đã tạm nộp số tiền 12.420.000 đồng theo biên lai thu số 0006158 ngày 18/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PQ, tỉnh Kiên Giang. NLQ3 còn phải nộp thêm số tiền là 23.580.000đ (*Hai mươi ba triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng*).

- NLQ5 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 36.000.000 đồng. NLQ5 đã tạm nộp số tiền 12.420.000 đồng theo biên lai thu số 0006159 ngày 18/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (Do NLC1 nộp thay). NLQ5 còn phải nộp thêm số tiền là 23.580.000đ (*Hai mươi ba triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng*).

- Hoàn trả cho NLQ1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.420.000đ (*Mười hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006157 ngày 18/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại cho bà Bùi Thị H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002630 ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

7. Về chi phí, lệ phí thẩm định giá, giám định: Bà Bùi Thị Th tự nguyện chịu toàn bộ chi phí bản vẽ là 2.777.000 đồng và định giá tài sản tranh chấp là 24.436.644 đồng. Bà Th đã nộp xong nên không phải nộp thêm.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện PQ;
- THA dân sự huyện PQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Bích Vân

